

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **12 /2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 12- 02- 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm N dân: Ông Phạm Quốc Vương

Ông Trịnh Văn Doan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng— Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H giữa các đương sự:

- T đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1977(Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp 04, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp 04, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa T đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Bà T và ông Trần Văn C sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2007 thì bà T và ông C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

N dân xã A, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 118 cấp ngày 09/10/2007 vợ chồng sinh sống tại tổ 07, ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước từ năm 1994 cho đến nay. Bà T và ông C chung sống hạnh phúc với nhau được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn là do ông Trần Văn C hay rượu chè về gây gổ và ghen tuông vô cớ, ngoài ra ông C còn đánh đập bà T, nhiều lần bà T đã nhờ địa phương can thiệp Nhưng ông C vẫn không thay đổi; năm 2016 bà T đã nộp đơn gửi Tòa án để giải quyết ly hôn Nhưng vì thương con và ông C cam kết sẽ sửa đổi nên bà T rút đơn, sau khi bà T rút đơn thì ông C vẫn không thay đổi, nay mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Nguyễn Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn C.

Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung Trần Văn N, sinh năm: 1995; Trần Trọng Ng, sinh năm: 1999; Trần Thái T, sinh năm: 2001; Trần Thị Tâm Nh, sinh năm: 2007, nay ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu Nh và cháu T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu N, cháu Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng có tạo lập được diện tích 09 sào đất trên đất có 01 căn nhà và hơn 400 cây cao su trồng 7 năm tuổi, tọa lạc ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước và 02 sào đất trên đất trồng 50 cây cao su, tọa lạc tại tổ 03, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện bà T đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 ông Trần Văn C trình bày:

Thông nhất như bà T trình bày: Ông C và bà T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 và đến năm 2007 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, nay là huyện H, tỉnh Bình Phước, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại tổ 07, ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và cãi vã nhau, nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được,

mục đích hôn nhân không đạt. Nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông C cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung Trần Văn N, sinh năm: 1995; Trần Trọng Ng, sinh năm: 1999; Trần Thái T, sinh năm: 2001; Trần Thị Tâm Nh, sinh năm: 2007, nay ly hôn ông C đồng ý giao 02 con chung Trần Thái T, sinh năm: 2001; Trần Thị Tâm Nh, sinh năm: 2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu N, cháu Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng có tạo lập được diện tích 09 sào đất trên đất có 01 căn nhà và hơn 400 cây cao su trồng 7 năm tuổi, tọa lạc ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước và 02 sào đất trên đất trồng 50 cây cao su, tọa lạc tại tổ 03, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án ông C không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Do điều kiện công việc nên ông C yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, qua quá trình xét xử và đánh giá chứng cứ trong vụ án, xét mâu thuẫn giữa bà T, ông C là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; cho bà T ly hôn với ông C và giao 02 con chung Trần Thái T và Trần Thị Tâm Nh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C, ông C có nơi cư trú tại tổ 07, ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước,

tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn C theo quy định nhưng do ông C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1994, đến năm 2007 bà T, ông C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B nay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi kết hôn có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình đó là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do ông C có đơn yêu cầu Tòa án hoà giải, xét xử vắng mặt nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà T, ông C kéo dài và thường xuyên, mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng có hướng đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không có kết quả và ông C yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện ông C không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không có hướng đoàn tụ nên xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C là có cơ sở và được bị đơn ông C đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung Trần Văn N, sinh năm: 1995; Trần Trọng Ng, sinh năm: 1999; Trần Thái T, sinh năm: 2001; Trần Thị Tâm Nh, sinh năm: 2007, nay ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu Nh và cháu T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; ông C đồng ý giao 02 con chung cháu Nh và cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu N, cháu Ng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Phản cấp dưỡng: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà T và ông C có tạo lập được diện tích 09 sào đất trên đất có 01 căn nhà và hơn 400 cây cao su trồng 7 năm tuổi, tọa lạc ấp 4, xã M,

huyện H, tỉnh Bình Phước và 02 sào đất trên đất trồng 50 cây cao su, tọa lạc tại tổ 03, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: vợ chồng không nợ chung của ai cũng không ai vay nợ.

[6] Về án phí: bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39,40, Điều 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 82, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

1. Bà Nguyễn Kim T được ly hôn với ông Trần Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B nay là huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/10/2007 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 02 con chung Trần Thái T, sinh năm: 2001; Trần Thị Tâm Nh, sinh năm: 2007 cho bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Trần Văn N, sinh năm: 1995 và cháu Trần Trọng Ng, sinh năm: 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết

4. Nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ,

5. Về án phí: bà Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012098 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học